

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 8 năm 2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung; Ông Nguyễn Sự;

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Vũ Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975. (Có mặt).

HKTT: Khu 1, phường D, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện trú tại: Thôn Đông Dương, xã S, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974. (Vắng mặt).

HKTT: Khu 1, phường D, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H, trước khi cưới hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thị xã Bắc Ninh (nay là phường D), thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 11/03/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại khu 1, phường D, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận được một thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Năm 2012, anh H dính vào tệ nạn xã hội và bị Tòa án xét xử phải đi cải tạo 06 năm đến tháng 3/2018 mới ra trại. Sau khi ra trại, anh H thường xuyên gây mâu thuẫn đánh chửi dẫn đến chị phải về nhà ngoại ở Đông Dương, xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh. Nay xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu, xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

–Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân Anh, sinh ngày 03/6/1997 và cháu Nguyễn Chung K, sinh ngày 17/02/2005. Hiện nay cháu Vân Anh đã có gia đình riêng và đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Chung K, hiện nay cháu đang học lớp 8 Trường tiểu học D. Từ khi chị về nH ngoại ở Đông Dương, xã S, thành phố Bắc Ninh đến nay cháu K cũng về đó ở cùng chị. Quan điểm của chị là cháu K thích ở với ai là quyền quyết định ở cháu, chị không có ý kiến, tại phiên tòa chị xin được nuôi cháu K và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

–Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

–Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không có ai nợ vợ chồng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh kết hôn với Nguyễn Thị N, sinh năm 1975, quê quán tại Thôn Đông Dương, xã S, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi cưới hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thị xã Bắc Ninh nay là phường D, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 11/03/1996. Sau ngày cưới vợ chồng anh chị ở riêng tại khu 1, phường D, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận. Năm 2012, anh dính vào tệ nạn xã hội và bị Tòa án xét xử phải đi cải tạo 06 năm đến tháng 3/2018 mới ra trại. Sau khi ra trại, chị N luôn có khoảng cách và xa lánh anh và mang con bỏ về nH bố mẹ đẻ ở thôn Đông Dương, xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 20/3/2018 đến nay, nhiều lần anh điện thoại cho chị N bảo chị về sống để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng chị N không về, anh xác

định vẫn còn tình cảm với chị N. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành nên anh không đồng ý ly hôn.

–Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân Anh, sinh ngày 03/6/1997 và cháu Nguyễn Chung K, sinh ngày 17/02/2005 như chị N trình bày là đúng. Hiện nay cháu Vân Anh đã có gia đình riêng và đã trưởng thành nên anh không có ý kiến gì. Đối với cháu Chung K, hiện nay cháu đang học lớp 8 Trường tiểu học D. Từ khi chị N về nH ngoại ở Đông Dương, xã S, thành phố Bắc Ninh đến nay cháu K cũng về đó ở cùng chị N. Do không đồng ý ly hôn nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết về phần con chung. Trong trường hợp nếu phải ly hôn thì quyết định ở với ai là do cháu K, anh tôn trọng quyền của cháu.

–Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

–Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không có ai nợ vợ chồng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng có bị đơn là chưa tuân thủ, vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N nuôi cháu Nguyễn Chung K, sinh ngày 17/02/2005. Cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 11/3/1996. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã D (nay là phường D), thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy chị N và anh H đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N, anh H thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 3/2018 chị N bỏ về nH ngoại ở Đông Dương, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa chị N giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H, anh H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp gì để Hn gắn quan hệ vợ chồng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh H không đến tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị N được ly hôn anh H.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị N, anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 03/6/1997 và cháu Nguyễn Chung K, sinh ngày 17/02/2005. Hiện nay cháu Vân A đã có gia đình riêng và đã trưởng thành, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa chị N xin được nuôi cháu K và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H vắng mặt xong tại biên bản lấy lời khai anh H cho cháu K được quyết định việc cháu muốn ở với ai. Hội đồng xét xử thấy cháu K còn nhỏ, rất cần sự quan tâm của cả bố và mẹ. Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án ngày 27/6/2018 cháu K có nguyện vọng xin được ở với mẹ, từ tháng 02/2018 cháu K về Đông Dương ở cùng chị N. Để ổn định cuộc sống cũng như

tôn trọng nguyện vọng của cháu K, cần giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu do vậy không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản do vậy không đặt ra xem xét.

[4] Về công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết .

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chung K, sinh ngày 17/02/2005 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu.

Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2017/0000930 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết kết quả bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Trung Viên Văn Doãn

Nguyễn Thị Lan Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường Võ Cường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Trung Viêm Văn Doãn

Nguyễn Thị Lan Hương